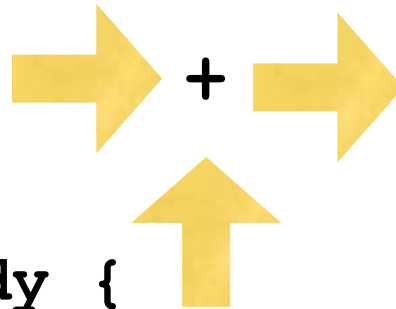


CASCADING STYLE SHEET - CSS

Nội dung

- ❑ Định nghĩa CSS
- ❑ Phân loại CSS
- ❑ Thẻ div với thuộc tính class và id
- ❑ Các CSS về background
- ❑ Các CSS border
- ❑ Các CSS link
- ❑ Các CSS về font
- ❑ Các CSS về text
- ❑ Các CSS về margin và padding
- ❑ Các CSS về position

Định nghĩa



```
body {  
    font-family: arial,  
    san-serif;  
}  
a, a:link  
{  
    color: #0000cc;  
}
```

Định nghĩa

- ❑ Cascading Style Sheet (CSS) nhằm thoả mãn nhu cầu thẩm mỹ, tính thống nhất cho trang HTML.
- ❑ Tiện ích:
 - Tiết kiệm thời gian
 - Khi thay đổi định dạng chỉ cần thay đổi CSS, các trang khác sẽ tự động cập nhật sự thay đổi.
 - CSS tạo các hiệu ứng đặc biệt.
- ❑ Bất lợi: Không một trình duyệt nào chấp nhận hoàn toàn các thuộc tính CSS.

Định nghĩa

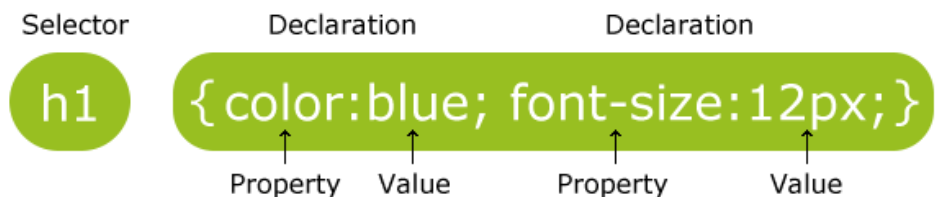
□ Cách tạo:

```
selector {  
  property: value;  
  property: value;  
  ...  
  property: value;}
```

□ Trong đó:

Selector: là các thành phần trên trang HTML cần thiết lập CSS. Có 3 loại Selector cơ bản:

- Tên thẻ HTML
- Thuộc tính id
- Thuộc tính class



Định nghĩa

➤ Tên các thẻ HTML:

```
h1 {font-face: Verdana}
```

➤ Thuộc tính id:

```
#element_id {color:#FF0000}
```

➤ Thuộc tính class (only for HTML):

```
.class_name {border: 1px solid red}
```

❑ Selectors có thể kết hợp nhiều thành phần:

```
h1, .link, #top-link {font-weight: bold}
```

Định nghĩa

- Áp dụng cho các thẻ a bên trong thẻ p

```
p a {text-decoration: underline}
```

- * : dạng selector con bên trong p

```
p * {color: black}
```

- +: tất cả thẻ img có cùng class name

```
img + .link {float:right}
```

Định nghĩa

➤ Ví dụ:

```
<html>
<head>
<style>
  p {
    text-align: center;
    color: red;
  }
</style>
```

```
</head>
<body>
```

```
<p>Every paragraph will be affected by the style.</p>
```

```
<p id="para1">Me too!</p>
```

```
<p>And me!</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

Every paragraph will be affected by the style.

Me too!

And me!

Định nghĩa

Hello World!

This paragraph is not affected by the style.

```
<html>
<head>
<style>
#para1 {
    text-align: center;
    color: red;
}
</style>
</head>
<body>

<p id="para1">Hello World!</p>
<p>This paragraph is not affected by the style.</p>

</body>
</html>
```

Định nghĩa

```
h1 {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}  
  
h2 {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}  
  
p {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```



```
h1, h2, p {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

Định nghĩa

```
<html>
<head>
<style>
h1, h2, p {
    text-align: center;
    color: red;
}
</style>
</head>
<body>

<h1>Hello World!</h1>
<h2>Smaller heading!</h2>
<p>This is a paragraph.</p>

</body>
</html>
```

Hello World!

Smaller heading!

This is a paragraph.

Phân loại CSS

- ❑ Inline style (**attribute style**)
- ❑ Internal style (**tag style**)
- ❑ External style (**link to a style sheet**)

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="MenuBar.css">

<style>
h1 {
    width:500px;
    color: #F00;
}
</style>

</head>
<body style="background-color:#09C;">

<h1> Style Sheet </h1>
<ul>
    <li><a class="active" href="#home">Home</a></li>
    <li><a href="#news">News</a></li>
    <li><a href="#contact">Contact</a></li>
    <li class="last"><a href="#about">About</a></li>
</ul>

</body>
</html>
```

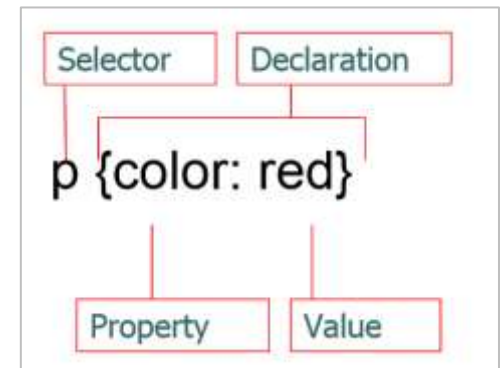
The diagram illustrates three types of CSS using arrows and brackets:

- External:** An arrow points from the label "External" to the `<link rel="stylesheet" type="text/css" href="MenuBar.css">` line.
- Internal:** A bracket groups the `<style>` block, with an arrow pointing from the label "Internal" to the bracket.
- Inline:** An arrow points from the label "Inline" to the `style="background-color:#09C;"` attribute in the `<body>` tag.

Phân loại CSS

❑ **Inline style:** thuộc tính style bên trong thẻ.
Cú pháp:

```
<tagName style="property:value;  
                property: value;">  
    Nội dung văn bản  
</tagName>
```



```
<h1 style="color:blue;margin-left:30px;">This is a heading.</h1>
```

This is a heading.

This is a paragraph.

Phân loại CSS

❑ **Internal style:** định dạng bảng mẫu chung trên phần **head** và được áp dụng cho trang HTML hiện hành.

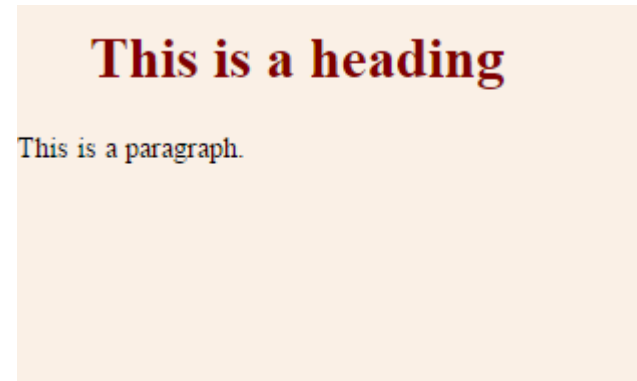
Cú pháp:

```
<head>
<style>
  tagName {
    property: value;
    property: value;
  }
</style>
</head>
```

Phân loại CSS

```
<head>
<style>
body {
    background-color: linen;
}

h1 {
    color: maroon;
    margin-left: 40px;
}
</style>
</head>
```



Phân loại CSS

❑ **External style:** Là file chứa các định dạng CSS được lưu trữ thành một file độc lập và được liên kết với trang HTML.

➤ **Bước 1:**

- Tạo một file văn bản mới.
- Thiết lập các định dạng CSS
- Lưu file với định dạng **[.css]**

```
tagName {  
    property: value;  
    property: value;  
}
```

Phân loại CSS

- Bước 2:
 - Áp dụng file CSS vào trang HTML:

```
<Head>  
<Link Rel=StyleSheet Type="text/css"  
      href="tên_tập_tin.css">  
</Head>
```

Ví dụ:

Phân loại CSS

❑ Bước 1: Tạo file **mystyle.css**

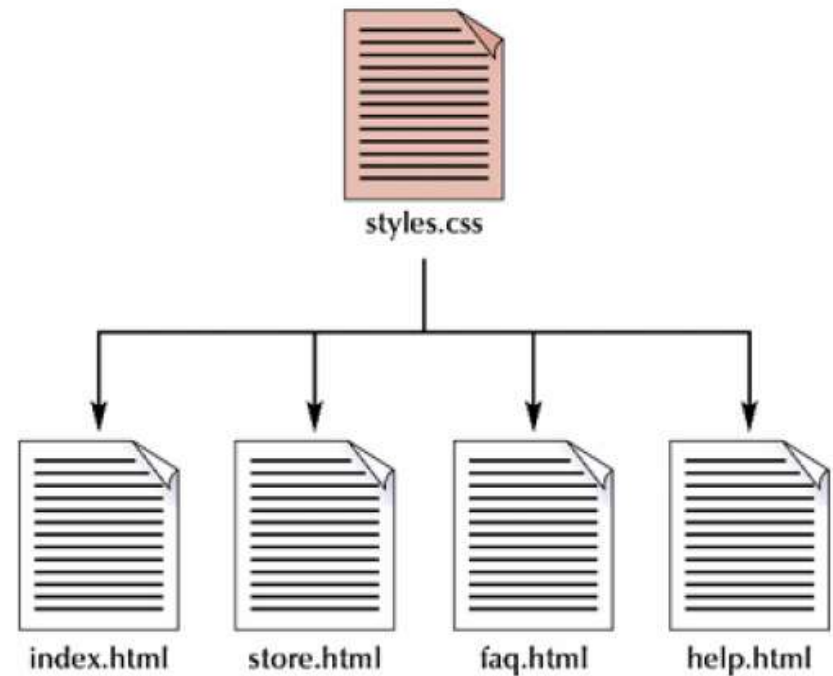
```
body {  
    background-color: lightblue;  
}  
  
h1 {  
    color: navy;  
    margin-left: 20px;  
}
```

❑ Bước 2: Liên kết **mystyle.css** vào trang

```
<head>  
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="mystyle.css">  
</head>
```

Phân loại CSS

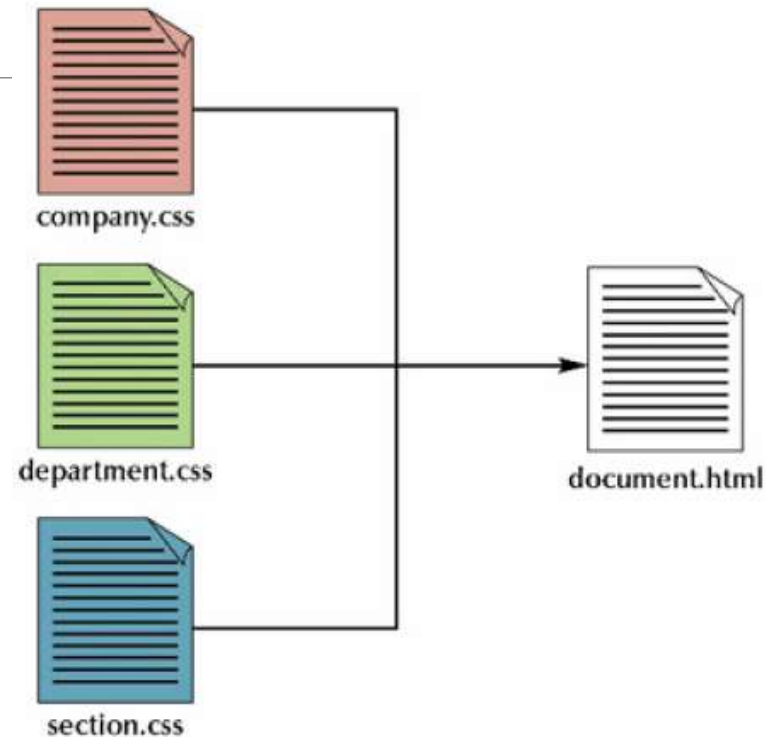
Áp dụng .CSS cho nhiều trang HTML



```
<head>  
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="styles.css"/>  
</head>
```

Phân loại CSS

Áp dụng nhiều .CSS cho 1 trang HTML



```
<head>
```

```
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="company.css" />
```

```
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="department.css" />
```

```
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="section.css" />
```

```
</head>
```

Phân loại CSS

□ Định dạng bằng cách nhóm các đối tượng bằng `<div>` và ``

- `<div>` được sử dụng trong 1 nhóm các thẻ cùng nhau, `<div>` là container.
- `` được sử dụng cho các tag chứa khối văn bản độc lập như `<p>`, `<h1>`, `<table>`, `<body>`

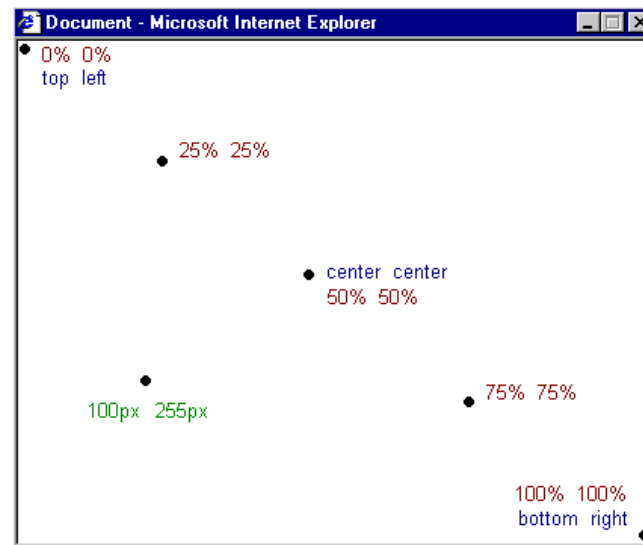
□ Sử dụng thuộc tính `id` và `class` định danh cho `<div>` và ``

CSS background

- ❑ `background-color` : [màu nền]
- ❑ `background-image` : **url**([file hình nền])
- ❑ `background-repeat` : [lặp hình nền]
- ❑ `background-position`: [tọa độ xuất hiện hình]

Value	Description
<code>background-repeat: repeat-x</code>	The image is repeated horizontally
<code>background-repeat: repeat-y</code>	The image is repeated vertically
<code>background-repeat: repeat</code>	The image is repeated both horizontally and vertically
<code>background-repeat: no-repeat</code>	The image is not repeated

CSS background



Value	Description
<code>background-position: 2cm 2cm</code>	The image is positioned 2 cm from the left and 2 cm down the page
<code>background-position: 50% 25%</code>	The image is centrally positioned and one fourth down the page
<code>background-position: top right</code>	The image is positioned in the top-right corner of the page

CSS background

```
body {  
  background-image: url("gradient_bg.png");  
}
```

Hello World!

Strange background image...

CSS background

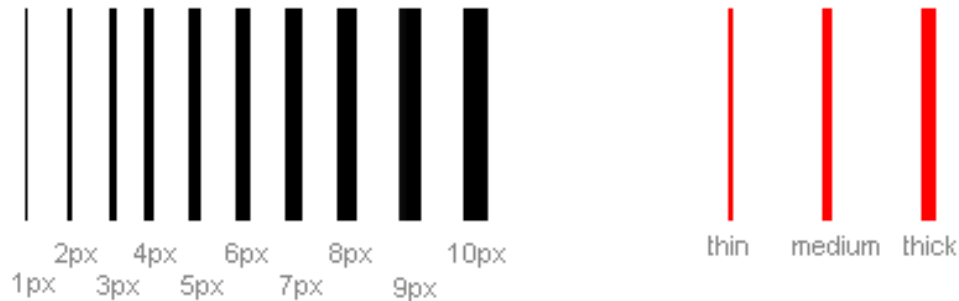
```
body {  
    background-image: url("gradient_bg.png");  
    background-repeat: repeat-x;  
}
```

Hello World!

Here, a background image is repeated only horizontally!

CSS Border:

□ border-width : [value]

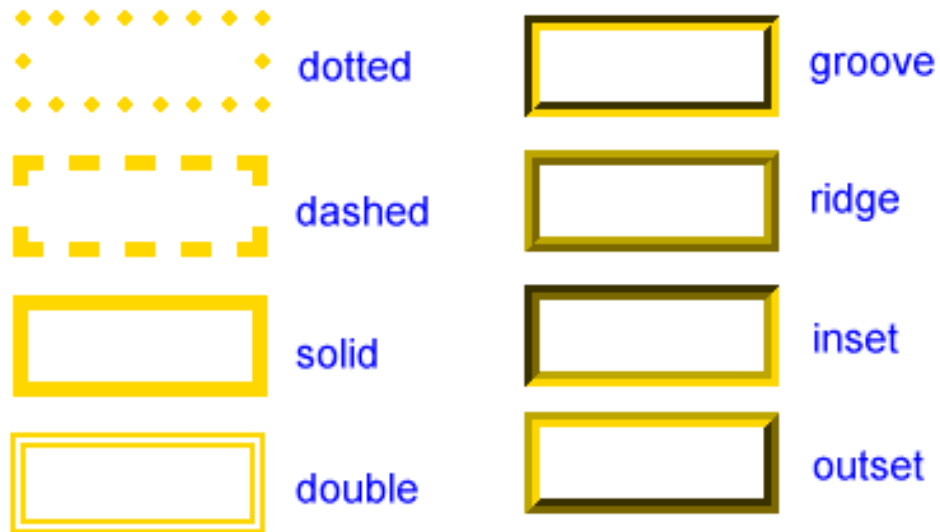


□ border-color : [color]

Sử dụng mã màu, tên màu, ...

CSS Border:

□ border-style :[kiểu đường viền]



Sử dụng kết hợp:

□ border :[width style color] { *đúng thứ tự* }

CSS Border:

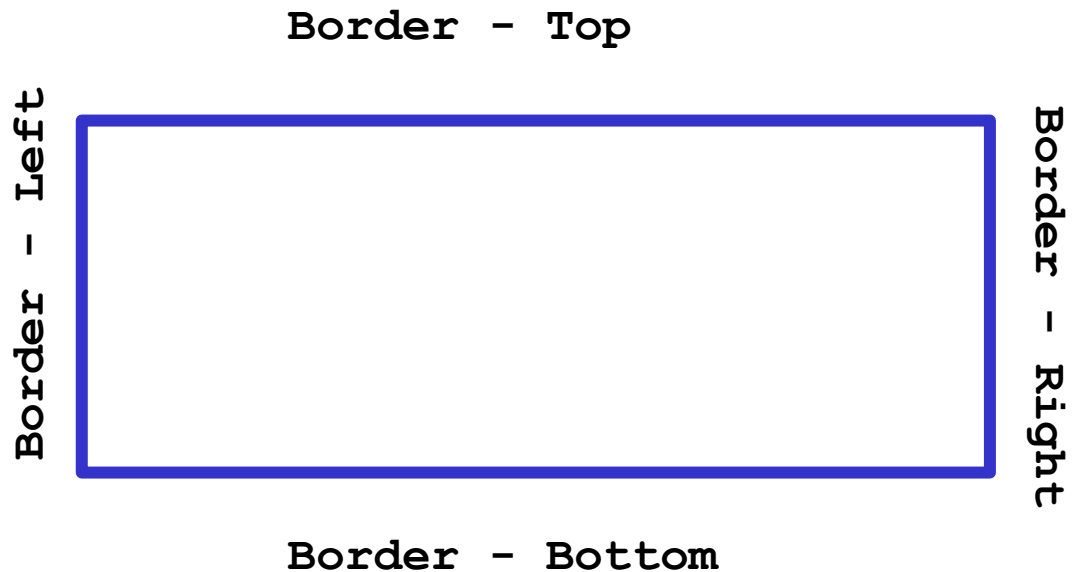
Border riêng cho mỗi cạnh :

❑ border – left: thin solid grey;

❑ border – right:

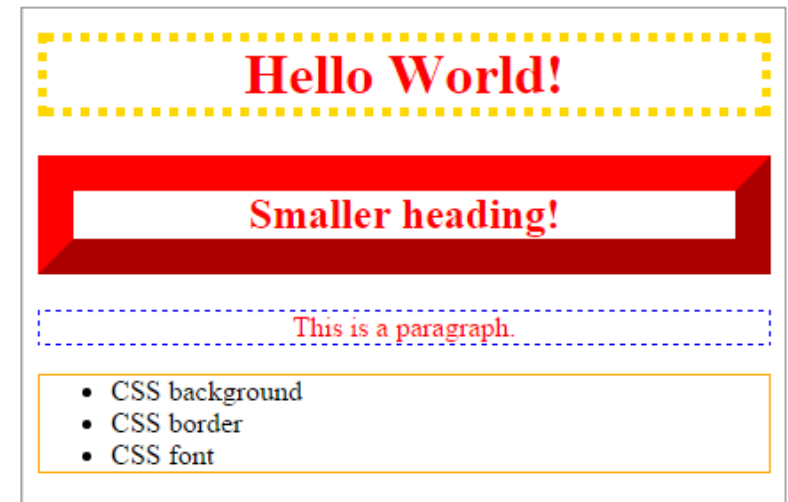
❑ Border – top:

❑ Border – bottom:



CSS Border

```
h1 { border-width: thick;
      border-style: dotted;
      border-color: gold; }
h2 { border-width: 20px;
      border-style: outset;
      border-color: red; }
p { border-width: 1px;
    border-style: dashed;
    border-color: blue; }
ul { border: thin solid orange; }
```



CSS Link:

❑ <a> các trạng thái

- a:link [Liên kết chưa được chọn]
- a:visited [Liên kết đã được chọn qua]
- a:active [Liên kết được kích hoạt]
- a:hover [Con trỏ đi qua liên kết]

```
A:link {text-decoration: none; color:red;}  
A:visited {text-decoration: none;}  
A:active {text-decoration: underline;}  
A:hover {font-size:24;  
         font-weight:bold;  
         color: red;}
```

CSS Link:

Ví dụ 1: Tạo các CSS cho <a>

- liên kết (a:link) có màu xanh lá, kích cỡ font 14px;
- liên kết (a:hover) có màu đỏ tươi, kích cỡ font 1.2em, hiệu ứng nhấp nháy;
- liên kết đã duyệt (a:visited) sẽ có màu xanh da trời, không có đường gạch chân;
- liên kết đang kích hoạt (a:active) có màu tím và font dạng small-caps.

CSS Link:

```
a:link {  
    color:#00FF00;  
    font-size:14px  
}
```

```
a:visited {  
    color:#FF0000;  
    text-decoration:none  
}
```

```
a:hover {  
    color:#FF00FF;  
    font-size:1.2em;  
    text-decoration:blink  
}
```

```
a:active {  
    color:# 662D91;  
    font-variant:small-caps  
}
```

CSS Link:

Ví dụ 2: Tạo các hiệu ứng

- liên kết (a:link) có màu xanh lá, kích cỡ font 14px, khung viền màu đen;
- liên kết (a:hover) có màu đỏ tươi, kích cỡ font 1.2em, hiệu ứng nhấp nháy, có nền light cyan;
- liên kết đã duyệt (a:visited) sẽ có màu xanh da trời, không có đường gạch chân;
- liên kết đang kích hoạt (a:active) có màu tím và font dạng small-caps, có nền light yellow.

CSS Fonts

- ❑ **font-family** : [arial, verdana, sans-serif]; {tên font}
- ❑ **font-style** : [italic, normal, oblique]
- ❑ **font-variant** : [normal, small-caps]
- ❑ **font-weight** : [normal, bold]
- ❑ **font-size** : [?pt, ?em, ?%, ?px]

CSS Text

❑ **color** : [màu cho chữ]

❑ **text-indent**: [khoảng cách lề trái text
firstline(px)]

❑ **text-align**:
[left, right, center, justify (canh lề)]

❑ **text-align**: [top, middle, bottom,
sub, super] canh lề dọc

CSS Text

❑ **text-decoration:**

[underline, overline, line-through, none]

❑ **letter-spacing** : [px-khoảng cách ký tự]

❑ **text-transform** : [capitalize, uppercase, lowercase, none]

❑ **line-height**: [khoảng cách dòng]

CSS Margin và Padding:



```
body {  
    margin-top: 100px;  
    margin-right: 40px;  
    margin-bottom: 10px;  
    margin-left: 70px;  
}
```

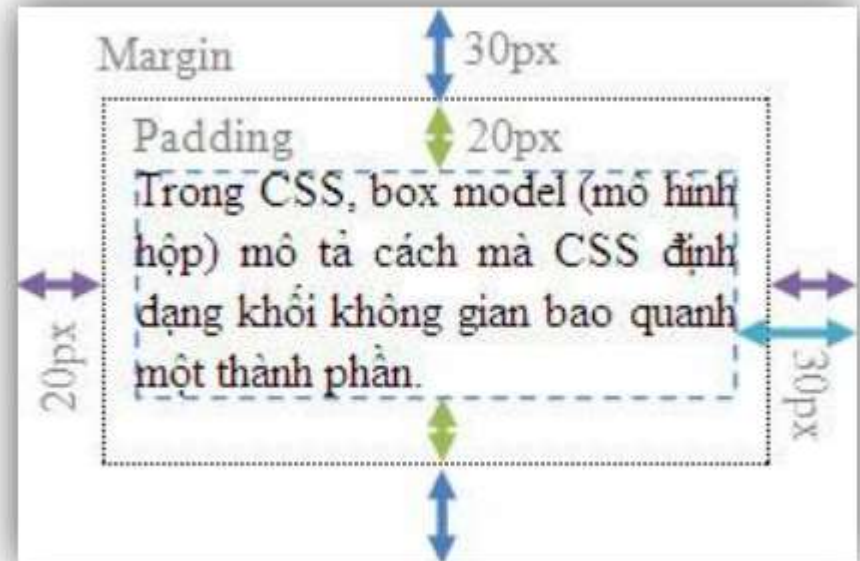
```
body {  
    margin: 100px 40px 10px 70px;  
}
```

```
p {  
    margin: 5px 50px 5px 50px;  
}
```

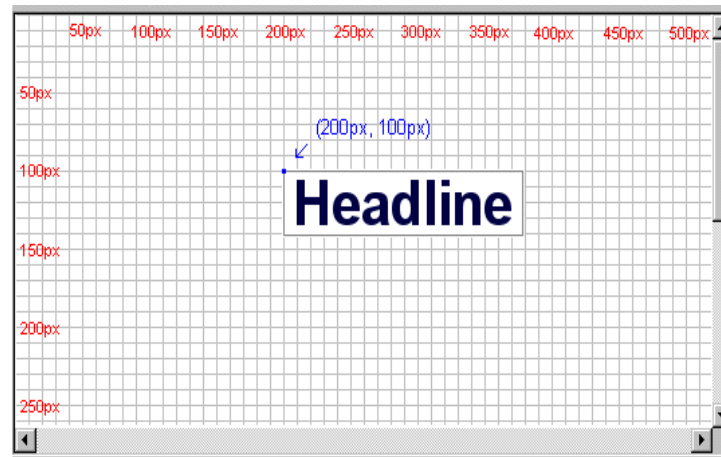
CSS Margin và Padding:

Phần CSS cho đoạn HTML trên:

```
p {  
    width:200px;  
    margin:30px 20px;  
    padding:20px 10px;  
    border:1px solid #000;  
    text-align:justify  
}
```



CSS position của đối tượng:



- `position: [absolute, relative];`
- `top: [value];`
- `left: [value];`
- `bottom: [value];`
- `right: [value];`

CSS position của đối tượng:



```
.topleft {  
    position: absolute;  
    top: 20px;  
    left: 10px;  
    font-size: 18px;  
    width:100px;  
    height:50px;  
    background-color:#FFFFFF;  
}  
.bottomleft {  
    position: absolute;  
    bottom: 10px;  
    left: 20px;  
    font-size: 18px;  
    width:100px;  
    height:50px;  
    background-color:#FFFFFF;  
}
```

```
.bottomright {  
    position: absolute;  
    bottom: 10px;  
    right: 20px;  
    font-size: 18px;  
    width:100px;  
    height:50px;  
    background-color:#FFFFFF;  
}  
.topright {  
    position: absolute;  
    top: 10px;  
    right: 20px;  
    font-size: 18px;  
    width:100px;  
    height:50px;  
    background-color:#FFFFFF;  
}
```

CSS position của đối tượng:



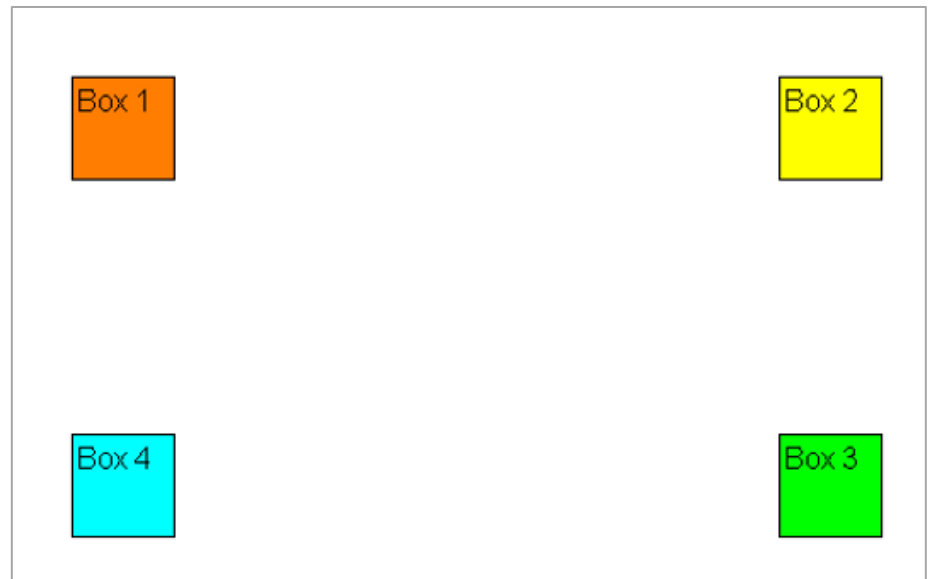
This is a heading

Because the image has a z-index of -1, it will be placed behind the text.

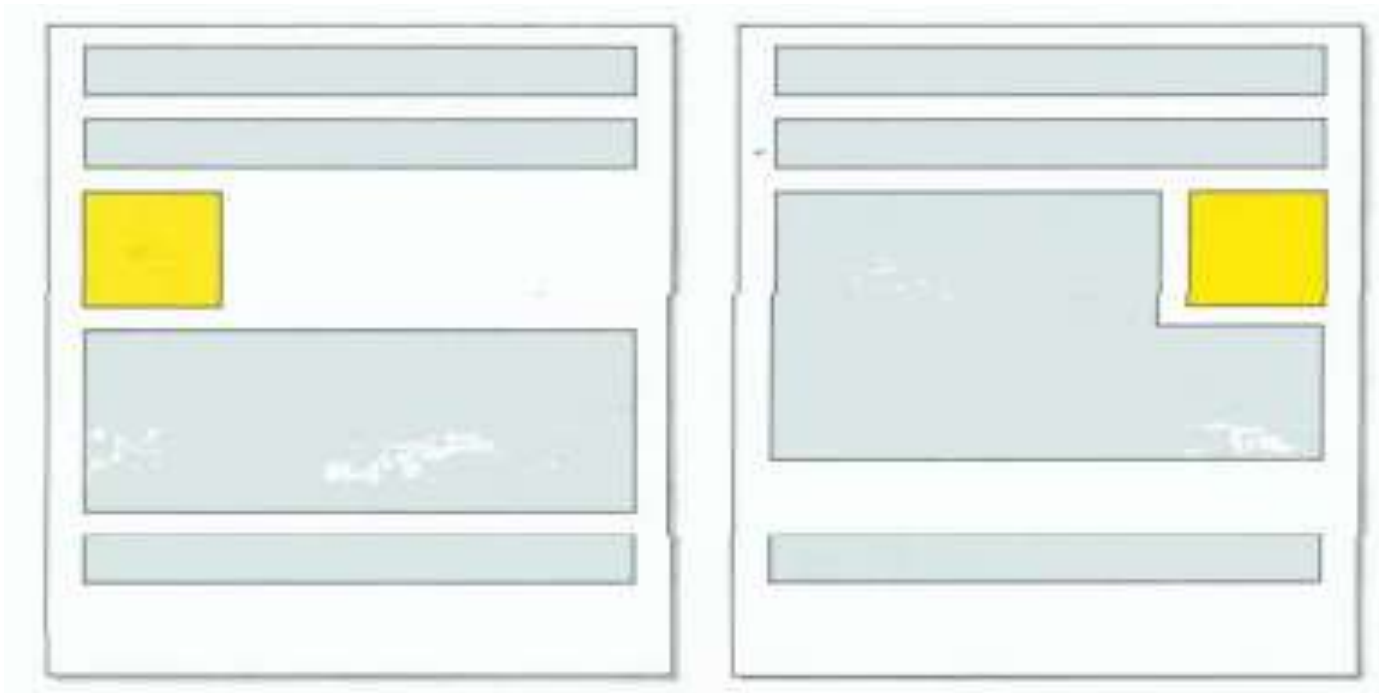
```
img {  
  position: absolute;  
  left: 0px;  
  top: 0px;  
  z-index: -1;  
}
```

CSS position của đối tượng:

```
#box1 {  
    position: absolute;  
    top: 50px;  
    left: 50px; }  
#box2 {  
    position: absolute;  
    top: 50px;  
    right: 50px; }  
#box3 {  
    position: absolute;  
    bottom: 50px;  
    right: 50px; }  
#box4 {  
    position: absolute;  
    bottom: 50px;  
    left: 50px; }
```



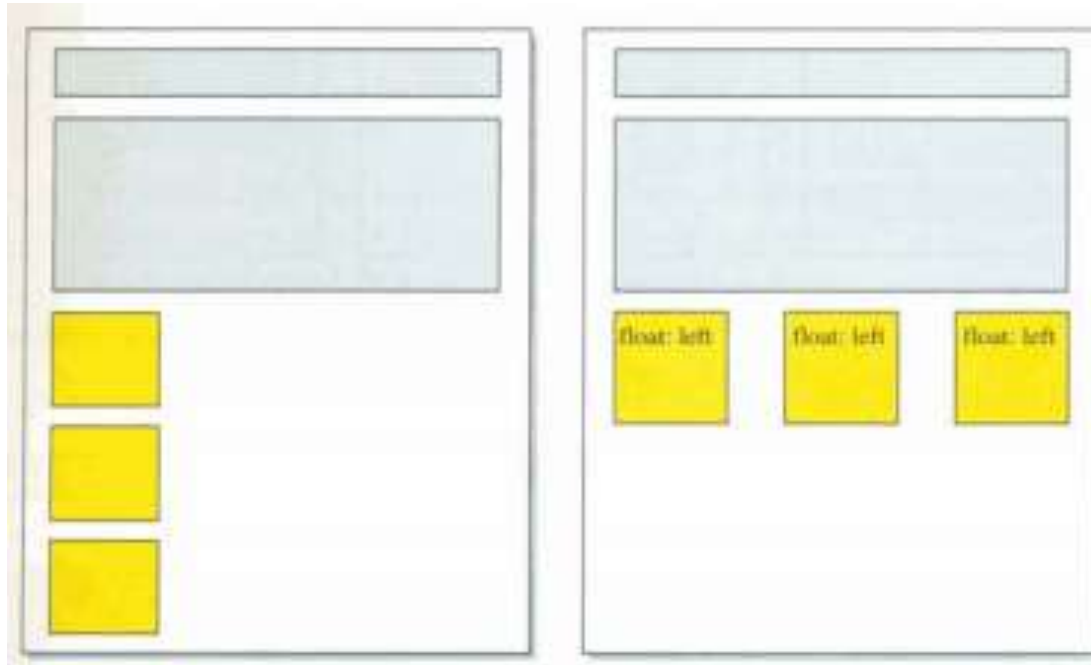
CSS về floating 1 đối tượng



❑ Floating: normal

❑ Floating: right

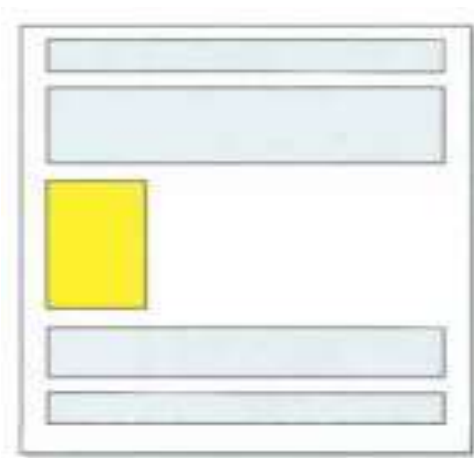
CSS về floating 1 đối tượng



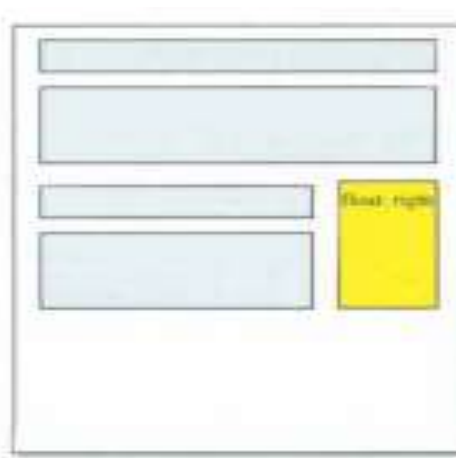
❑ Floating: normal

❑ Floating: left cho 3 đối tượng cùng nhau

CSS về floating



normal



Floating: right



Floating: right.

Đối tượng sau đó
không nhận
floating, dùng
clear: right.

CSS về Size (width, height)

- ❑ Width: [giá trị]
- ❑ Height: [giá trị]

Lưu ý:

- width: **xác định rõ ràng**
- height: **auto**


```
div {  
    width: 500px;  
    height: 100px;  
    border: 3px solid #73AD21;  
}
```

Set height and width of an Element:

This div element has a height of 100px and a width of 500px.

CSS bullets - Lists

- ❑ List-style-type: {none, circle, square, disc}
- ❑ List-style-image: url (images/bullet.gif)}
- ❑ List-style-position: [inside/outside]

CSS bullets - Lists

Styling Lists With Colors:

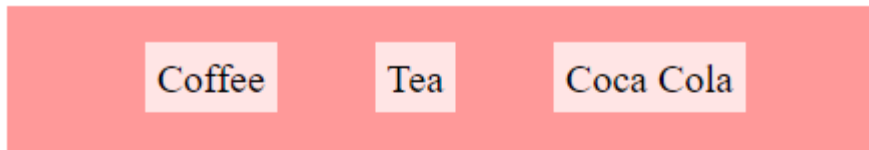
1. Coffee
2. Tea
3. Coca Cola

- Coffee
- Tea
- Coca Cola

```
ol {  
    background: #ff9999;  
    padding: 20px;  
}  
ul {  
    background: #3399ff;  
    padding: 20px;  
}  
ol li {  
    background: #ffe5e5;  
    padding: 5px;  
    margin-left: 35px;  
}  
ul li {  
    background: #cce5ff;  
    margin: 5px;  
}
```

CSS Display

❏ display : [none, block, inline]



```
ol {  
    background: #ff9999;  
    padding: 20px;}  
ul {  
    background: #3399ff;  
    padding: 20px;  
    list-style-type: none;}  
ol li {  
    background: #ffe5e5;  
    padding: 5px;  
    margin-left: 35px;  
    display: inline;}  
ul li {  
    background: #cce5ff;  
    margin: 5px; }
```

CSS Menu Bar

Home
News
Contact
About

```
<ul>
  <li><a href="default.asp">Home</a></li>
  <li><a href="news.asp">News</a></li>
  <li><a href="contact.asp">Contact</a></li>
  <li><a href="about.asp">About</a></li>
</ul>
```

Home	News	Contact	About
------	------	---------	-------

CSS về Drop Cap

Pseudo-element	Description	Example
first-letter	The first letter of the element text	<code>p:first-letter {font-size:14pt}</code>
first-line	The first line of the element text	<code>p:first-line {text-transform:uppercase}</code>
before	Content inserted directly before the element	<code>p:before {content:"Special!"}</code>
after	Content appended to the element	<code>p:after {content:"eof"}</code>

Once upon a time, there was a pseudo-class that allowed you to specify a different rule for the first letter of an element's content, and another that allowed you to specify a different rule for the whole of the first line. This example demonstrates the first-letter and first-line pseudo-classes.

CSS form

Selector:

- ❑ `Input { }`: Áp dụng cho tất cả các phần tử trên form
- ❑ `Input [type=text]`: chỉ textbox
- ❑ `Input [type=text]: focus { }`
- ❑ `Input[type=number] {}`: chỉ text number
- ❑ `Select{ }`: listbox nhận CSS

Các thuộc tính:

Nhận tất cả các thuộc tính

Các thuộc tính của Input

□ Padding:

```
input[type=text] {  
  width: 100%;  
  padding: 12px 20px;  
  margin: 8px 0;  
  box-sizing: border-box;  
}
```

First Name

Last Name

□ Border:

```
input[type=text] {  
  border: 2px solid red;  
  border-radius: 4px;  
}
```

First Name

Last Name

Các thuộc tính của Input

❑ Background :

❑ Color:

```
<style>
input[type=text] {
  width: 100%;
  padding: 12px 20px;
  margin: 8px 0;
  box-sizing: border-box;
  border: 1px solid #555;
  outline: none;
}

input[type=text]:focus {
  background-color: lightblue;
}
</style>
```

First Name

John

Last Name

Doe

CSS3

Nội dung

☐ Animation

☐ Background

☐ Border

☐ Gradient - Opacity

☐ Transform

☐ Transition

☐ Shadow

☐ Multicolumn





☐ Filter

Animation

❑ Animation cho phép tạo chuyển động của một phần tử trên trang HTML.

Ví dụ

❑ Các trình duyệt hỗ trợ:

Property					
@keyframes	10.0	4.0 -webkit-	16.0 5.0 -moz-	4.0 -webkit-	15.0 -webkit- 12.1 12.0 -o-
animation	10.0	4.0 -webkit-	16.0 5.0 -moz-	4.0 -webkit-	15.0 -webkit- 12.1 12.0 -o-

Animation

- ❑ Bước 1: Xác định vùng (khung – keyframes) cho animation sẽ chuyển động

Cú pháp:

➤ Chuẩn:

```
@keyframes tên_animation  
{  
    from {giá trị}  
    to {giá trị}  
}
```

➤ Theo trình duyệt:

```
/* Chrome, Safari, Opera */  
@-webkit-keyframes tên_animation  
{  
    from {giá trị}  
    to {giá trị}  
}
```

Animation

❑ Bước 2: Thực hiện tạo animation

```
tag {  
  animation: giá trị;  
  -moz-animation: giá trị;  
  -webkit-animation: giá trị;  
  -o-animation: giá trị;  
}
```

Animation

- ❑ animation-name:
- ❑ animation-duration:
- ❑ animation-delay:
- ❑ animation-iteration-count: [số, infinite: chạy mãi mãi]
- ❑ animation-direction: [reverse: chạy ngược, alternate: chạy cùng]

Animation

- ❑ animation-timing-function: chỉ định hiệu ứng chạy
 - ✓ ease –bắt đầu chậm sau đó nhanh và chậm lại (Mặc định)
 - ✓ linear – chạy đều
 - ✓ ease – in : chuyển động chậm
 - ✓ ease – out : chuyển động kết thúc chậm
 - ✓ ease – in – out;
 - ✓ cubic – Bezier (n,n,n,n): xác định vị trí chuyển động

Animation

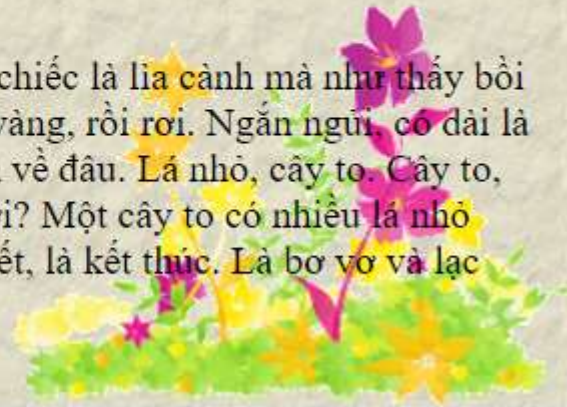
□ Ví dụ:

```
div {  
    animation-name: example;  
    animation-duration: 5s;  
    animation-timing-function: linear;  
    animation-delay: 2s;  
    animation-iteration-count: infinite;  
    animation-direction: alternate;  
}
```

Background

Mùa thu

Thu buồn, màu vàng rất buồn và âm đạm. Đôi khi nhìn chiếc lá lia cành mà như thấy bồi hồi xao xuyến, một chiếc lá mà như cả cuộc đời, xanh, vàng, rồi rơi. Ngẩn ngừ, có dài là bao? Ôi là những chiếc lá kia, lia cành rồi, còn biết nhìn về đâu. Lá nhỏ, cây to. Cây to, lá nhỏ. Có bao giờ cây to biết, có một chiếc lá nhỏ đã rơi? Một cây to có nhiều lá nhỏ nhưng một lá nhỏ chỉ sống với một cây to thôi. Dứt là hết, là kết thúc. Là bơ vơ và lạc lõng, là bị chìm xuống và lãng quên



Background

❑ CSS3 Chèn nhiều background

```
#example1 {  
    background-image: url(img_flwr.gif), url(paper.gif);  
    background-position: right bottom, left top;  
    background-repeat: no-repeat, repeat;  
}
```

Background

□ CSS3 Background Size: [giá trị]

Mùa thu

Thu buồn, màu vàng rất buồn và âm đạm. Đôi khi nhìn chiếc lá lìa cành mà như thấy bồi hồi xao xuyến, một chiếc lá mà như cả cuộc đời, xanh, vàng, rồi rơi. Ngẩn ngùi, có dài là bao? Ôi là những chiếc lá kia, lìa cành rồi, còn biết nhìn về đâu. Lá nhỏ, cây to. Cây to, lá nhỏ. Có bao giờ cây to biết, có một chiếc lá nhỏ đã rơi? Một cây to có nhiều lá nhỏ nhưng một lá nhỏ chỉ sống với một cây to thôi. Dứt là hết, là kết thúc. Là bơ vơ và lạc lõng, là bị chìm xuống và lãng quên..

```
#example1 {  
    border: 1px solid black;  
    background:url(img_flwr.gif);  
    background-repeat: no-repeat;  
    padding:15px;  
}
```

Background

Mùa thu

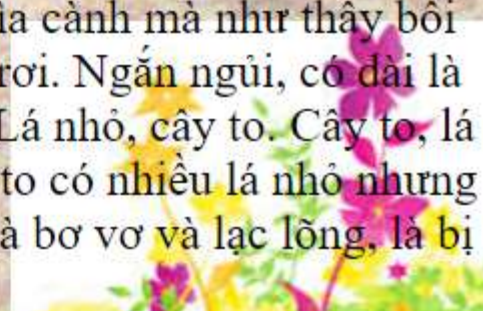
Thu buồn, màu vàng rất buồn và âm đạm. Đôi khi nhìn chiếc lá lia cành mà như thấy bồi hồi xao xuyến, một chiếc lá mà như cả cuộc đời, xanh, vàng, rồi rơi. Ngẩn ngùi, có dài là bao? Ôi là những chiếc lá kia, lia cành rồi, còn biết nhìn về đâu. Lá nhỏ, cây to. Cây to, lá nhỏ. Có bao giờ cây to biết, có một chiếc lá nhỏ đã rơi? Một cây to có nhiều lá nhỏ nhưng một lá nhỏ chỉ sống với một cây to thôi. Dứt là hết, là kết thúc. Là bơ vơ và lạc lõng, là bị chìm xuống và lãng quên..

```
#example1 {  
    border: 1px solid black;  
    background:url(img_flwr.gif);  
    background-repeat: no-repeat;  
    padding:15px;  
    background-size: 100px      ;  
}
```




Mùa thu

Thu buồn, màu vàng rất buồn và âm đạm. Đôi khi nhìn chiếc lá lìa cành mà như thấy bồi hồi xao xuyến, một chiếc lá mà như cả cuộc đời, xanh, vàng, rồi rơi. Ngẩn ngùi, có dài là bao? Ôi là những chiếc lá kia, lìa cành rồi, còn biết nhìn về đâu. Lá nhỏ, cây to. Cây to, lá nhỏ. Có bao giờ cây to biết, có một chiếc lá nhỏ đã rơi? Một cây to có nhiều lá nhỏ nhưng một lá nhỏ chỉ sống với một cây to thôi. Dứt là hết, là kết thúc. Là bơ vơ và lạc lõng, là bị chìm xuống và lãng quên..



```
#example1 {  
    background: url(img_flwr.gif) left top no-repeat,  
    url(img_flwr.gif) right bottom no-repeat, url(paper.gif) left top  
    repeat;  
    background-size: 50px, 130px, auto;  
}
```

Background

- ❑ Background Size: [contain, cover]
- ❑ background-origin chỉ ra vị trí đặt ảnh nền:
 - border-box -ảnh nền hiển thị bắt đầu từ góc trên bên trái của border (tính cả border)
 - padding-box – (Mặc định) Ảnh nền hiển thị bắt đầu từ góc trên bên trái của padding(Tính cả padding)
 - content-box – Ảnh nền sẽ bắt đầu hiển thị ở phần nội dung của phần tử

Background

Background-origin: padding-box

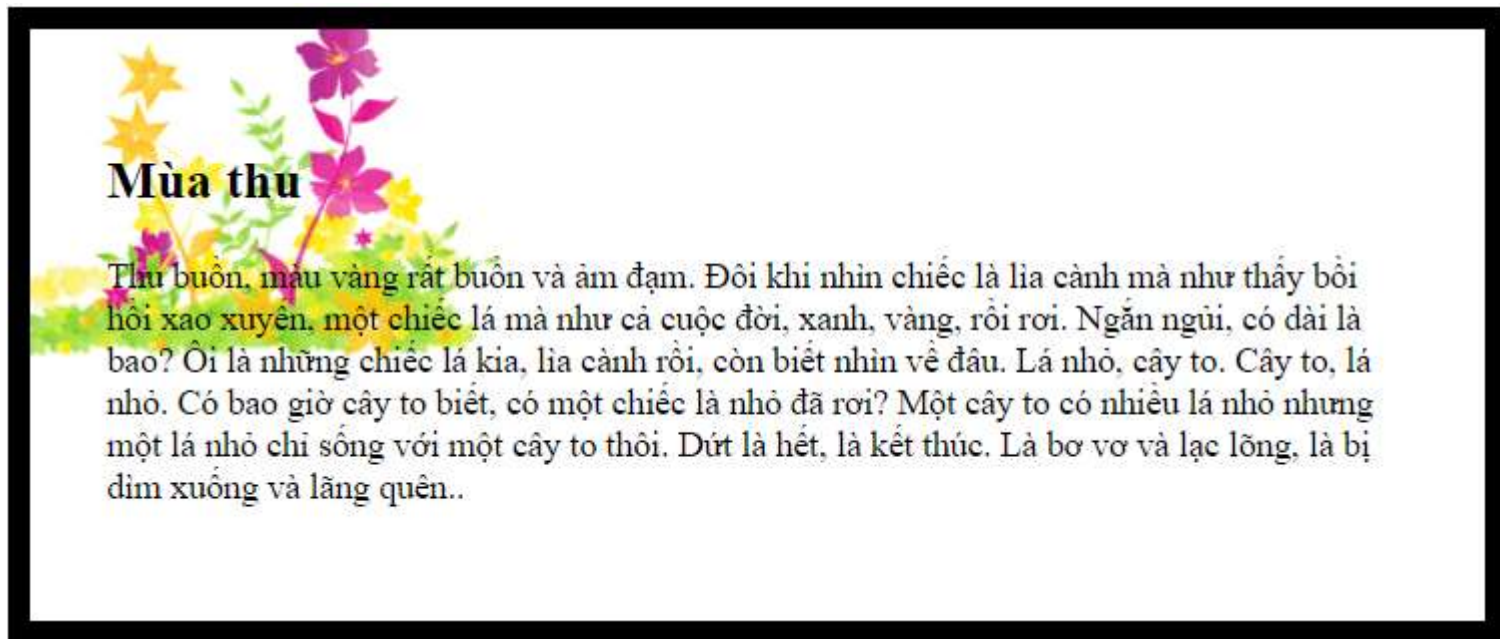


Mùa thu

Thu buồn, màu vàng rất buồn và âm đạm. Đôi khi nhìn chiếc lá lìa cành mà như thấy bồi hồi xao xuyến, một chiếc lá mà như cả cuộc đời, xanh, vàng, rồi rơi. Ngẩn ngùi, có dài là bao? Ôi là những chiếc lá kia, lìa cành rồi, còn biết nhìn về đâu. Lá nhỏ, cây to. Cây to, lá nhỏ. Có bao giờ cây to biết, có một chiếc lá nhỏ đã rơi? Một cây to có nhiều lá nhỏ nhưng một lá nhỏ chỉ sống với một cây to thôi. Dứt là hết, là kết thúc. Là bơ vơ và lạc lõng, là bị chìm xuống và lãng quên..

Background

Background-origin: border-box



Background

Background-origin: content-box

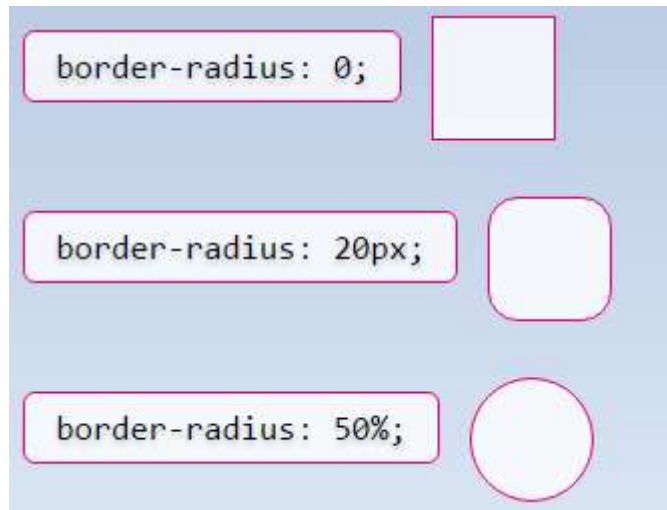


Mùa thu

Thu buồn, màu vàng rất buồn và âm đạm. Đôi khi nhìn chiếc lá lìa cành mà như thấy bồi hồi xao xuyến, một chiếc lá mà như cả cuộc đời, xanh, vàng, rồi rơi. Ngẩn ngùi, có dài là bao? Ôi là những chiếc lá kia, lìa cành rồi, còn biết nhìn về đâu. Lá nhỏ, cây to. Cây to, lá nhỏ. Có bao giờ cây to biết, có một chiếc lá nhỏ đã rơi? Một cây to có nhiều lá nhỏ nhưng một lá nhỏ chỉ sống với một cây to thôi. Dứt là hết, là kết thúc. Là bơ vơ và lạc lõng, là bị chìm xuống và lãng quên..

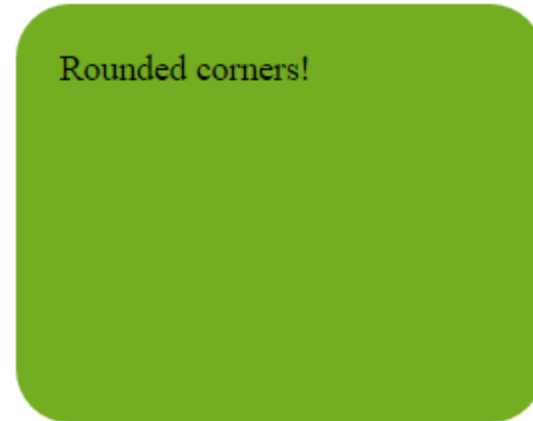
Border - radius

□ Border – radius: bo góc cho đường viền



Border - radius

```
#rcorners1 {  
  border-radius: 25px;  
  background: #73AD21;  
  padding: 20px;  
  width: 200px;  
  height: 150px;  
}
```



Border - radius

```
#rcorners1 {  
    border-radius: 25px 100px;  
    background: #73AD21;  
    padding: 20px;  
    width: 200px;  
    height: 150px;  
}
```



Border - radius

```
#rcorners1 {  
    border-radius: 25px 100px 0px 0px;  
    background: #73AD21;  
    padding: 20px;  
    width: 200px;  
    height: 150px;  
}
```



Gradient

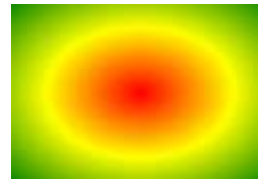
□ Cho phép hiển thị quá trình chuyển đổi màu sắc giữa hai hoặc nhiều màu khác nhau.

□ Có 2 loại Gradient:

➤ Linear Gradients: chuyển đổi màu theo đường tuyến tính



➤ Radial Gradients: chuyển đổi màu theo hình tròn tập trung vào giữa)



Gradient

Cú pháp:

`Background-image: linear-gradient (color1, color2)`

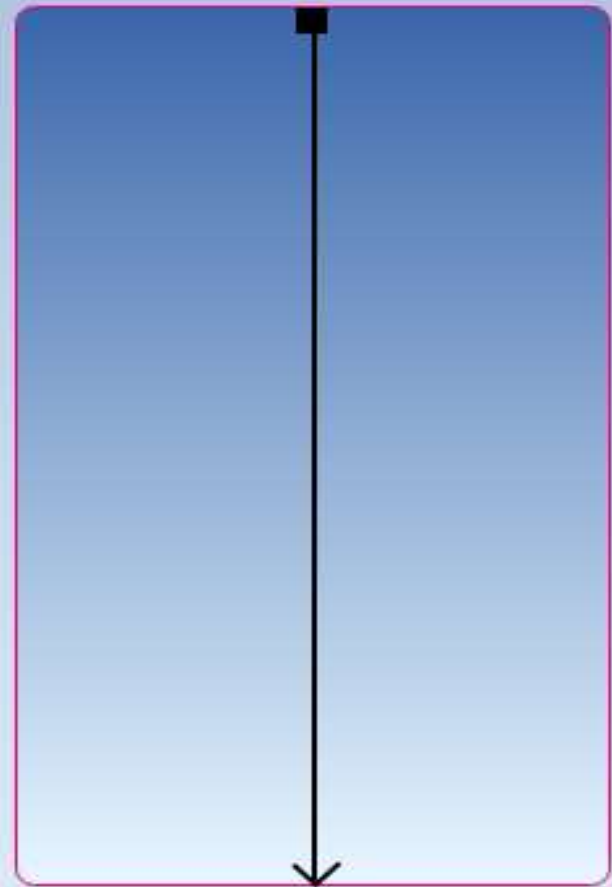
- ❑ Linear gradient: xác định ít nhất hai điểm màu(*color-stop*).
- ❑ Trong đó: `direction{left, right, left top, bottom right}`
- ❑ `Color_stop`: có thể chứa nhiều màu

Gradient

```
background-image:  
  linear-gradient(  
    #3A67AB,  
    #E8F6FF);
```

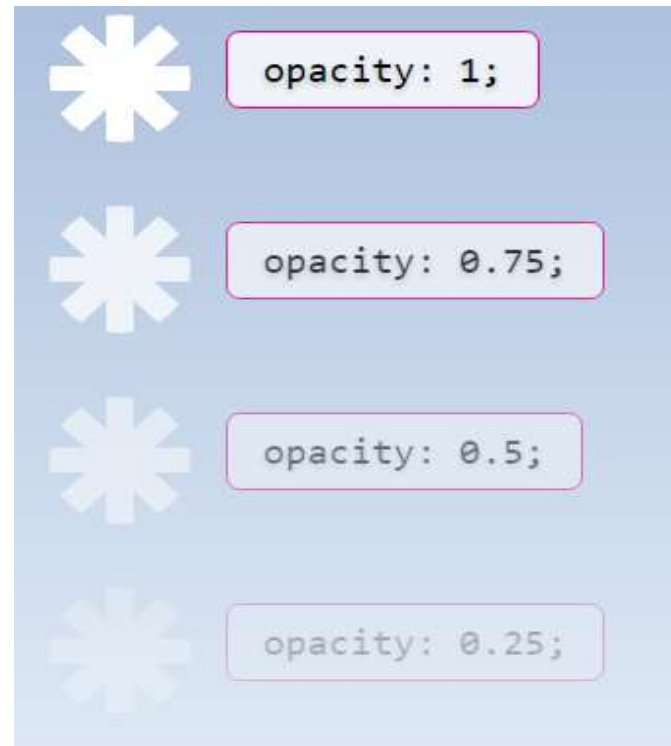
```
background-image:  
  linear-gradient(top,  
    #3A67AB 0%,  
    #E8F6FF 100%);
```

```
background-image:  
  linear-gradient(270deg,  
    #3A67AB 0%,  
    #E8F6FF 100%);
```



Opacity

□ Thuộc tính opacity
hiển thị cấp độ trong suốt cho thành phần.



Transform

- Thuộc tính transform xác định một chuyển đổi 2 chiều, 3 chiều, có thể là xoay, tỷ lệ, di chuyển, nghiêng, ... cho một đối tượng trên trang HTML.

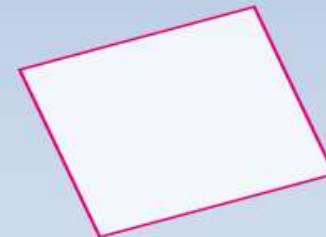
- **translate** `transform: translate(-80px, 200px);`



- **rotate** `transform: rotate(15deg);`

- **scale** `transform: scale(1.5, 2);`

- **skew** `transform: skewX(-8deg);`



Transition

□ Thuộc tính ***transition*** xác định một quá trình ***transform*** khi có một hành động.

□ Cú pháp:

Tag {

transition-property:[width, height, all, {properties...}]

transition-duration: [time s,ms];

transition-timing-function:[ease, ease-in, ease-out]

transiton-delay: [time s/ms]

}

Shadow

□ Text-shadow: [color size size]

With CSS3 you can create
shadow effects!

```
h1
{
    text-shadow: #ff00ff 10px 10px 3px;
}
```

□ Box-shadow: [size size size color]

Ví dụ:

```
<tr>
  <td></td>
  <td></td>
  <td></td>
</tr>
```

```
#qc{
  width:80px;
  height:100px;
  border:1px solid #06F;
  -webkit-box-shadow: 5px 10px 10px #C66 ;
  border-radius:10px;
  -webkit-opacity:0.5;
  -webkit-transition:1s;
}
#qc:hover{
  -webkit-opacity:1;
  -webkit-transform:rotate(25deg);
}
```

Multicolumn: Chia cột

□ Cú pháp:

`Column - count : [n] {số cột}`

`Column - gap: [n] {khoảng cách giữa các cột}`

`Column - rule : [size style color]
{đường kẻ ngăn cách giữa các cột}`

Multicolumn: Chia cột

```
.newspaper {  
  -webkit-column-count: 3; /* Chrome, Safari, Opera */  
  -moz-column-count: 3; /* Firefox */  
  column-count: 3;  
  
  -webkit-column-width: 100px; /* Chrome, Safari, Opera */  
  -moz-column-width: 100px; /* Firefox */  
  column-width: 100px;  
  
  -webkit-column-rule: 1px solid lightblue; /* Chrome, Safari, Opera */  
  -moz-column-rule: 1px solid lightblue; /* Firefox */  
  column-rule: 1px solid lightblue;  
  
  -webkit-column-gap: 40px; /* Chrome, Safari, Opera */  
  -moz-column-gap: 40px; /* Firefox */  
  column-gap: 40px;
```


Multicolumn: Chia cột

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường. Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời

quang đàng. Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi

âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

Filter

□ Cú pháp:

```
filter: none | blur() | brightness() | contrast() | drop-shadow() |  
grayscale() | hue-rotate() | invert() | opacity() | saturate() | sepia()  
| url();
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter: none;  
}
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter: blur(5px);  
}
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter: brightness(200%);  
}
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter: contrast(200%);  
}
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter: drop-shadow(8px 8px 10px red);  
}
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter: grayscale(100%);  
}
```




CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter: hue-rotate(90deg);  
}
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter: invert(100%);  
}
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter:opacity(30%);  
}
```



CSS Code:

```
img#myImg {  
    filter:sepia(100%);  
}
```

```
#lk:link
{
    opacity:0.5;
    float:left;
    margin:20px;
    -webkit-transition: all 0.5s ease-in 50ms;
}
#lk:hover{
    opacity:1;
    -webkit-transform:rotate(-20deg) ;

}
```


Demo

❑ Tạo cấu trúc Menu động đa cấp

TRANG CHỦ	THÔNG BÁO	SINH VIÊN	GIẢNG VIÊN	
		THÔNG BÁO		
		ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN		
		XEM LỚP HỌC PHẦN		
		XEM LỊCH HỌC THEO MÃ		
		XEM LỊCH HỌC THEO LỚP		



❑ Tạo các hiệu ứng cho liên kết như transition, transform, opacity

